TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 184/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2023
Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Hà Thị Kim Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 580/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Út M, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 2009, anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Út M tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia

đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2009 ngày 05/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về sinh sống tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến năm 2013 giữa anh và chị M phát sinh mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung, nên từ đó chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Vì các lý do trên, anh nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị Út M.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, anh và chị M có hai người con chung tên Nguyễn Trung T1, sinh ngày 20/10/2005 và Nguyễn Thành T2, sinh ngày 04/02/2008. Hiện nay, con tên Nguyễn Trung T1 đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với con tên Nguyễn Thành T2, chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn anh đồng ý giao con tên Nguyễn Thành T2 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục đến tuổi trưởng thành và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh T xác nhận quá trình chung sống anh và chị M không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị Út M:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị M đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị M đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi Cán bộ Tòa án đến tống đạt các văn bản tố tụng cho chị M, thì anh ruột của chị M ở cùng địa chỉ tên Đỗ Văn N nhận thay và cam kết thông báo với chị M. Đồng thời anh N cho biết, chị M cũng đồng ý ly hôn với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị M, do chị M bận đi làm Công ty, khó xin nghĩ việc, nên không thể có mặt tại Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn và nuôi con với chị

Đỗ Thị Út M. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Đỗ Thị Út M có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Thị Út M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Út M tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2009 ngày 05/8/2009. Như vậy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T với chị Đỗ Thị Út M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn với chị M thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa anh T và chị M có phát sinh mâu thuẫn, mà theo anh T cho rằng do anh và chị M bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên từ đầu năm 2013 chị M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Anh T cũng xác định trong thời gian anh và chị M sống ly thân với nhau, thì giữa anh và chị M không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên anh T đoàn tụ gia đình, nhưng anh T vẫn kiên quyết ly hôn với chị M. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M nhiều lần, nhưng chị M vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ chị M cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Bên cạnh đó, theo thông tin của anh Đỗ Văn N là anh ruột của chị M cho biết: Chị M cũng đồng ý ly hôn với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị M, do chị M bận đi làm Công ty, khó xin nghỉ việc, nên không thể có mặt tại Tòa án.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh T yêu cầu được ly hôn với chị M là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đỗ Thị Út M.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Anh T và chị M trong quá trình chung sống có hai con chung tên Nguyễn Trung T1, sinh ngày 20/10/2005 và Nguyễn Thành T2, sinh ngày 04/02/2008. Hiện nay, con tên Nguyễn Trung T1 đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với con tên Nguyễn Thành T2, chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn anh T đồng ý giao con tên Nguyễn Thành T2 cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, từ khi anh T và chị M sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 và hiện cháu T2 phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu T2 phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giao cho chị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thành T2, sinh ngày 04/02/2008 là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Anh T xác nhận giữa anh và chị M không tài sản chung và nợ chung, nên anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đỗ Thị Út M.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thành T2, sinh ngày 04/02/2008 cho chị Đỗ Thị Út M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Đỗ Thị Út M nuôi con; anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T xác nhận giữa anh và chị Đỗ Thị Út M không tài sản chung và nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003532 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Văn T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Lâm, Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Nguyễn Thanh Huy

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.